

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý
các cơ sở trợ giúp xã hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý
các cơ sở trợ giúp xã hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ sở trợ giúp xã hội gồm cơ sở trợ giúp xã hội công lập và cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở).

1. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực trợ giúp xã hội, do cơ quan nhà nước thành lập theo quy định pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập do các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động.

Điều 3. Các loại hình của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi.

2. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
3. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật.
4. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí.
5. Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội.
6. Trung tâm công tác xã hội.
7. Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn; cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Người cao tuổi.
8. Cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Người khuyết tật.
9. Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47 Luật Người khuyết tật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Điều 4. Đối tượng phục vụ của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội.
2. Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp bao gồm:
 - a) Người bị bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị mua bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới.
 - b) Trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú.
3. Người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và những người không thuộc diện đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này nhưng có nhu cầu được trợ giúp xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ hoặc người giám hộ đóng góp kinh phí (sau đây gọi chung là đối tượng tự nguyện).
5. Các đối tượng theo chương trình, đề án hỗ trợ hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

Điều 5. Nhiệm vụ của cơ sở trợ giúp xã hội

Cơ sở thực hiện một số hoặc đầy đủ các nhiệm vụ sau:

1. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc, trợ giúp khẩn cấp

- a) Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp;
 - b) Đánh giá các nhu cầu của đối tượng; sàng lọc và phân loại đối tượng. Trường hợp cần thiết thì chuyển gửi đối tượng tới các cơ sở y tế, giáo dục, cơ quan công an, tư pháp hoặc các cơ quan, tổ chức phù hợp khác;
 - c) Bảo đảm sự an toàn và đáp ứng các nhu cầu bảo vệ khẩn cấp của đối tượng như: chăm sóc y tế, nơi tạm trú an toàn, nước uống, thực phẩm, quần áo, đồ dùng thiết yếu và đi lại.
2. Tư vấn, tham vấn, hỗ trợ tâm lý, phục hồi tâm lý, can thiệp trị liệu rối nhiễu tâm trí, trị liệu, khủng hoảng tâm lý.
 3. Tư vấn và trợ giúp đối tượng thụ hưởng các chính sách trợ giúp xã hội; kết nối, phối hợp và giới thiệu đến Trung tâm trợ giúp pháp lý để thực hiện cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý có nhu cầu; phối hợp với các cơ quan, tổ chức phù hợp khác để bảo vệ, trợ giúp đối tượng; tìm kiếm, sắp xếp các hình thức chăm sóc.
 4. Đánh giá nhu cầu, sàng lọc, phân loại đối tượng; xây dựng kế hoạch can thiệp và trợ giúp đối tượng; giám sát và rà soát, đánh giá các hoạt động can thiệp, trợ giúp và điều chỉnh kế hoạch; lập hồ sơ quản lý trường hợp và lưu trữ hồ sơ hoặc thực hiện kế hoạch can thiệp, trợ giúp mới (nếu đối tượng có nhu cầu).
 5. Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống và không có điều kiện sinh sống tại gia đình, cộng đồng.
 6. Cung cấp dịch vụ điều trị y tế ban đầu, chăm sóc sức khỏe nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc kết nối với các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ điều trị y tế, chăm sóc sức khỏe; kết nối chuyển gửi đối tượng đến cơ sở khác phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của đối tượng.
 7. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, trợ giúp các đối tượng trong các hoạt động tự quản, văn hóa, thể thao, các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của từng nhóm đối tượng lao động sản xuất theo quy định của pháp luật
 8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức để hỗ trợ đối tượng tham gia các chương trình giáo dục phổ thông các cấp, giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng và đại học, giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt hoặc giáo dục hướng nghiệp nhằm giúp đối tượng phát triển về thể chất, trí tuệ, nhân cách và hòa nhập cộng đồng.
 9. Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội và nâng cao năng lực
 - a) Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội, phát triển khả năng tự giải quyết các vấn đề, giáo dục kỹ năng làm cha mẹ; đào tạo kỹ năng sống cho trẻ em và người chưa thành niên;
 - b) Hợp tác với các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng chăm sóc, trợ giúp đối tượng.
 - c) Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo cung cấp kiến thức, kỹ năng cho các nhóm đối tượng có nhu cầu.

10. Quản lý đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

11. Cung cấp dịch vụ công tác xã hội và tổ chức các hoạt động thực hành công tác xã hội, cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định của pháp luật về công tác xã hội.

12. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối tượng rơi vào hoàn cảnh khó khăn và bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi.

13. Phát triển cộng đồng

a) Liên hệ với người dân, chính quyền các cấp trong việc xác định các vấn đề của cộng đồng để xây dựng chương trình, kế hoạch trợ giúp cộng đồng;

b) Đề xuất chính sách với các cơ quan có thẩm quyền;

c) Xây dựng mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội, tình nguyện viên công tác xã hội.

14. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương đưa đối tượng đủ điều kiện hoặc tự nguyện xin ra khỏi cơ sở trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ, tạo điều kiện cho đối tượng ổn định cuộc sống.

15. Thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về trợ giúp xã hội người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng khác.

16. Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, phổ biến chính sách pháp luật.

17. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ theo yêu cầu và các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

18. Tổ chức vận động và tiếp nhận sự hỗ trợ tài chính, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các hoạt động của cơ sở.

19. Quản lý tài chính, tài sản, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho người có nhu cầu theo quy định.

2. Từ chối yêu cầu cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng nếu không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở hoặc khả năng đáp ứng, phục vụ của cơ sở, trừ trường hợp có quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

3. Lựa chọn các biện pháp nghiệp vụ trợ giúp xã hội để trợ giúp đối tượng theo quy định của pháp luật.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Kinh phí hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội công lập, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước;

b) Nguồn thu hoạt động sự nghiệp (nếu có);

c) Nguồn thu phí được để lại đơn vị sự nghiệp công để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

d) Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

đ) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, bao gồm:

a) Nguồn tự có của chủ cơ sở trợ giúp xã hội;

b) Nguồn trợ giúp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

c) Nguồn thu phí dịch vụ từ đối tượng tự nguyện;

d) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;

đ) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội.

Điều 8. Quản lý tài chính, tài sản

1. Cơ sở thực hiện quản lý tài chính, tài sản theo các quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí phải thực hiện công khai, minh bạch và theo Quy chế hoạt động, Quy chế chi tiêu của cơ sở.

3. Cơ sở có trách nhiệm báo cáo kết quả tài chính định kỳ và hàng năm theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Điều 9. Yêu cầu chung

1. Môi trường và vị trí

Cơ sở phải đặt tại địa điểm thuận tiện về tiếp cận giao thông, trường học, bệnh viện, không khí trong lành có lợi cho sức khỏe của đối tượng; có điện, nước sạch phục vụ cho sinh hoạt.

2. Cơ sở vật chất

a) Cơ sở bảo đảm có địa điểm thuận tiện, môi trường xanh, sạch và bảo đảm khuôn viên và nhà ở có yếu tố đặc thù, phù hợp với cơ sở ở khu vực nông thôn, miền núi và khu vực đô thị.

b) Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).

c) Cơ sở vật chất của cơ sở bảo đảm đạt các tiêu chuẩn về xây dựng; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; có hệ thống trang thiết bị theo dõi, giám sát các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại các khu vực phù hợp; bảo vệ môi trường theo quy định. Các công trình, trang thiết bị phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế

xây dựng chuyên ngành hiện hành bảo đảm phù hợp cho người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

d) Đối với các khối nhà, hạng mục công trình phục vụ chức năng y tế, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cần tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế.

3. Nhân lực trợ giúp xã hội

a) Người đứng đầu cơ sở phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội và không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.

b) Nhân viên trợ giúp xã hội phải có sức khỏe để thực hiện trợ giúp xã hội đối tượng; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội và không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; có kỹ năng để trợ giúp xã hội đối tượng.

c) Có đội ngũ nhân viên trợ giúp xã hội bảo đảm đủ về số lượng, trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm để thực hiện các nhiệm vụ của cơ sở; có nhân viên trực tiếp tư vấn, chăm sóc đối tượng.

d) Nhân viên trợ giúp xã hội là viên chức hoặc người làm việc theo hợp đồng lao động theo giờ hành chính hoặc bán thời gian tại cơ sở trợ giúp xã hội, bao gồm: nhân viên công tác xã hội, nhân viên tâm lý, nhân viên chăm sóc, nhân viên y tế, nhân viên dinh dưỡng, nhân viên phục hồi chức năng; giáo viên dạy văn hoá, giáo dục đặc biệt, dạy nghề.

4. Về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng

Cơ sở bảo đảm các yêu cầu về trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết; vệ sinh, đồ dùng sinh hoạt, quần áo và dinh dưỡng để chăm sóc đối tượng, phù hợp với những đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng, người cao tuổi và những đối tượng có chế độ ăn kiêng theo bệnh tật, theo tôn giáo hay tín ngưỡng và bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

5. Về giáo dục và học nghề

Cơ sở bảo đảm cho đối tượng được học văn hóa, học nghề phù hợp với khả năng, nhu cầu và theo quy định của pháp luật.

6. Về văn hóa, thể thao, thể dục và giải trí

Cơ sở bảo đảm cho đối tượng chăm sóc tại cơ sở tiếp cận về văn hóa, thể thao, thể dục và giải trí phù hợp với truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm của đối tượng.

7. Cơ sở hoạt động bảo đảm công khai, minh bạch trong cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp và công tác xã hội theo đúng quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Quy trình trợ giúp xã hội

Cơ sở thực hiện quy trình trợ giúp đối tượng theo các bước: Tiếp nhận thông tin, yêu cầu của đối tượng; tổ chức sàng lọc và phân loại đối tượng; đánh giá tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe và các nhu cầu của đối tượng; xây dựng và thực hiện kế hoạch trợ giúp; phân tích, đánh giá sự tiến triển của đối tượng; lập kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng.

Điều 11. Yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội

1. Yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội

a) Cơ sở bảo trợ xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị định này.

b) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị định này.

c) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục 03 kèm theo Nghị định này.

d) Trung tâm công tác xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị định này.

đ) Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục 05 kèm theo Nghị định này.

2. Yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục 06 kèm theo Nghị định này.

Điều 12. Tổ chức hoạt động cơ sở trợ giúp xã hội

1. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội

a) Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm gửi thông báo hoạt động của cơ sở bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt trụ sở của cơ sở) bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trước khi tổ chức hoạt động 05 ngày làm việc (theo Mẫu tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Nghị định này). Cơ sở trợ giúp xã hội được tổ chức hoạt động kể từ ngày hoạt động được ghi trong thông báo.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận thông báo hoạt động của cơ sở, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng tải thông tin về hoạt động của cơ sở trên cổng thông tin điện tử hoặc

trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo Mẫu tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Nghị định này).

Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt trụ sở của cơ sở) có trách nhiệm quản lý địa bàn, theo dõi hoạt động của cơ sở; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật, các vụ việc phát sinh hoặc các trường hợp có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cơ sở bắt đầu tổ chức hoạt động theo thông báo, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và xử lý theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu hoạt động của cơ sở được quy định tại Nghị định này.

Trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội không tuân thủ các yêu cầu được quy định tại Nghị định này, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của cơ sở trong thời hạn tối đa 06 tháng để cơ sở kiện toàn theo quy định, đồng thời đăng tải quyết định tạm dừng hoạt động cơ sở trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo Mẫu tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Nghị định này).

Trước khi cơ sở hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đã thực hiện khắc phục và đáp ứng các yêu cầu hoạt động của cơ sở. Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra việc khắc phục theo kế hoạch hoặc khi cần thiết; trường hợp phát hiện cơ sở chưa đáp ứng các yêu cầu theo quy định thì xử lý theo thẩm quyền.

c) Sau thời hạn 06 tháng, trường hợp cơ sở không tuân thủ các yêu cầu thì cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động cơ sở theo quy định của pháp luật và gỡ bỏ thông tin hoạt động của cơ sở trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo Mẫu tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Nghị định này). Cơ sở có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của đối tượng trong thời gian tạm dừng hoạt động hoặc khi chấm dứt hoạt động.

2. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn

a) Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm gửi thông báo hoạt động của cơ sở bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt trụ sở chính của cơ sở) bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trước khi tổ chức hoạt động 05 ngày làm việc (theo Mẫu tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Nghị định này). Cơ sở trợ giúp xã hội được tổ chức hoạt động kể từ ngày hoạt động được ghi trong thông báo.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận thông báo hoạt động của cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đăng tải thông tin về hoạt động của cơ sở trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ sở bắt đầu tổ chức hoạt động theo thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra và xử lý theo quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu về hoạt động của cơ sở được quy định tại Nghị định này.

Trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội không tuân thủ yêu cầu được quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của cơ sở trong thời hạn tối đa 03 tháng để cơ sở kiện toàn theo quy định, đồng thời đăng tải quyết định tạm dừng hoạt động cơ sở trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Nghị định này).

Trước khi cơ sở hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã thực hiện khắc phục và đáp ứng các yêu cầu hoạt động của cơ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra việc khắc phục theo kế hoạch hoặc khi cần thiết; trường hợp phát hiện cơ sở chưa đáp ứng các yêu cầu theo quy định thì xử lý theo thẩm quyền.

c) Sau thời hạn 03 tháng, trường hợp cơ sở không tuân thủ các yêu cầu thì Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động cơ sở theo quy định của pháp luật và gỡ bỏ thông tin hoạt động của cơ sở trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Nghị định này). Cơ sở có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của đối tượng trong thời gian tạm dừng hoạt động hoặc khi chấm dứt hoạt động.

3. Trường hợp thay đổi thông tin của cơ sở (tên cơ sở, địa chỉ trụ sở, số điện thoại, người đứng đầu, loại hình cơ sở, đối tượng phục vụ, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động của cơ sở), người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản về các nội dung thay đổi thông tin đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quản lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở, cơ quan có thẩm quyền quản lý có trách nhiệm cập nhật thông tin về hoạt động của cơ sở trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Trong quá trình hoạt động, cơ sở không tuân thủ một trong các yêu cầu về hoạt động theo quy định tại Nghị định này, thì cơ quan có thẩm quyền quản lý tạm dừng hoạt động theo thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Tùy theo tính chất, mức độ, cơ quan có thẩm quyền quản lý ra quyết định tạm dừng có thời hạn một phần hoặc toàn bộ hoạt động theo quy định.

5. Cơ quan có thẩm quyền quản lý ra quyết định chấm dứt hoạt động của cơ sở khi phát hiện một trong các trường hợp sau đây:

- a) Cơ sở hoạt động không đúng theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội;
- b) Cơ sở thay đổi mục đích, nội dung hoạt động hoặc tổ chức hoạt động mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền quản lý;
- c) Hết thời hạn tạm dừng hoạt động mà cơ sở vẫn không bảo đảm đủ điều kiện theo quy định;
- d) Cơ sở vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong thông báo hoạt động.

Chương IV

THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 13. Trách nhiệm các bộ, ngành

1. Bộ Y tế chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước đối với cơ sở trợ giúp xã hội trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn về quy trình, yêu cầu chăm sóc đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên trợ giúp;
- b) Phát triển mạng lưới và xây dựng mô hình điểm cơ sở trợ giúp xã hội;
- c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội; xây dựng hệ thống thông tin quản lý người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội và đối tượng sử dụng dịch vụ chăm sóc, trợ giúp xã hội;
- d) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho viên chức, nhân viên và cộng tác viên của cơ sở trợ giúp xã hội;
- đ) Tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quản lý nhà nước đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế về tình hình hoạt động của các cơ sở trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn và có trách nhiệm:

- 1. Bố trí kinh phí hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Bố trí kinh phí nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập theo quy định của pháp luật.

3. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn bảo đảm tuân thủ các yêu cầu hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

4. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên tham gia giám sát việc quản lý hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn; hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng; kịp thời tiếp nhận, xử lý hoặc kiến nghị xử lý phản ánh của nhân dân và việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

5. Chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự, thực hiện công tác thanh tra đột xuất tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn.

6. Quản lý, kiểm tra hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở

1. Tổ chức, sắp xếp, kiện toàn cơ sở trợ giúp xã hội tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Nghị định này.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý về phương án kiện toàn cơ sở.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6), hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) và đột xuất với cơ quan cùng cấp về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Nghị định này bãi bỏ Điều 16 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; bãi bỏ Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

a) Các cơ sở trợ giúp xã hội đã được thành lập, cấp giấy phép hoạt động theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ

quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện ~~thủ~~ ~~tại~~ thông báo hoạt động theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở phải rà soát, kiện toàn tuân thủ các yêu cầu hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội được quy định tại Nghị định này. Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ sở không tuân thủ các yêu cầu hoạt động tại Nghị định này thì cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của cơ sở.

b) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quản lý có trách nhiệm rà soát, cập nhật và công bố danh sách các cơ sở trợ giúp xã hội đang hoạt động đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục 01
Yêu cầu đối với cơ sở bảo trợ xã hội
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở bảo trợ xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	Đối tượng phục vụ: Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này
II	Quy mô chăm sóc: Từ 10 đối tượng bảo trợ xã hội trở lên.
III	Phạm vi hoạt động: Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	Về cơ sở vật chất
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 20 m ² /đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m ² /đối tượng ở khu vực thành thị. Đối với cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, diện tích đất tự nhiên phải đảm bảo tối thiểu 40 m ² /đối tượng ở khu vực thành thị, 50 m ² /đối tượng ở khu vực nông thôn, 60 m ² /đối tượng ở khu vực miền núi.
2	Diện tích phòng ở của đối tượng hoặc phòng chuyên môn về chăm sóc, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác bình quân tối thiểu 6 m ² /đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 8 m ² /đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng. Phòng chuyên môn về chăm sóc, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
3	Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, phòng ăn, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh, tắm rửa; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	Tổ chức bộ máy
	Lãnh đạo cơ sở bảo trợ xã hội gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của cơ sở bảo trợ xã hội được xác định theo các nhóm công việc cơ bản sau: Hành chính - Tổng hợp; Công tác xã hội và phát triển cộng đồng; Y tế - Phục hồi chức năng; Chăm sóc khẩn cấp và dài hạn; Các phòng, khoa hoặc bộ phận có tên gọi khác (nếu có).
VI	Nhân sự
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho trẻ em tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách 01 trẻ em dưới 18 tháng tuổi, tối đa 06 trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi hoặc tối đa 10 trẻ em bình thường từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi; chăm sóc tối đa 04 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi; chăm sóc tối đa 05 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi.
4	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người khuyết tật tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người khuyết tật còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người khuyết tật không tự phục vụ được.
5	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người cao tuổi tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người cao tuổi còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người cao tuổi không tự phục vụ được.
6	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người tâm thần tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 02 người tâm thần đặc biệt nặng, tối đa 04 người tâm thần nặng hoặc tối đa 10 người tâm thần đã phục hồi, ổn định.
7	Nhân viên chăm sóc người lang thang tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 12 người lang thang (định mức này sử dụng cho các đợt tiếp nhận người lang thang vào cơ sở để đánh giá, đưa về địa phương).
8	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 50 đối tượng.

9	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: 01 nhân viên phục vụ tối đa 20 đối tượng.
10	Nhân viên phục hồi chức năng: 01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 05 đối tượng.
11	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: 01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề cho tối đa 10 đối tượng.
12	Vị trí việc làm gián tiếp tối đa không quá 20% tổng số nhân lực cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ.
VII	Cơ sở phải thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội nội trú và các đối tượng khác có nhu cầu; tổ chức trực chuyên môn 24/24 giờ của tất cả các ngày.
VIII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở.

Phụ lục 02**Yêu cầu đối với cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn;
cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn (gọi chung là cơ sở chăm sóc dài hạn) phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	Đối tượng phục vụ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này
II	Quy mô chăm sóc: Từ 10 đối tượng trở lên.
III	Phạm vi hoạt động: Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	Về cơ sở vật chất
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 20 m ² /đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m ² /đối tượng ở khu vực thành thị. Trong trường hợp các cơ sở đặt trụ sở trong tòa chung cư cao tầng, diện tích không gian đất tự nhiên của tòa chung cư được tính vào không gian cho cơ sở chăm sóc dài hạn.
2	Diện tích phòng ở của đối tượng hoặc các phòng chuyên môn bình quân tối thiểu 06 m ² /01 đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ mỗi ngày, diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 8m ² /đối tượng; phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng; phòng chuyên môn về chăm sóc, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
3	Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, phòng ăn, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	Tổ chức bộ máy
	Lãnh đạo cơ sở gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của cơ sở được xác định theo các nhóm công việc cơ bản sau: Hành chính - Tổng hợp; Chăm sóc; Y tế - Phục hồi chức năng; Công tác xã hội và phát triển cộng đồng; Các phòng hoặc bộ phận có tên gọi khác (nếu có).
VI	Nhân sự
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người cao tuổi tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người cao tuổi còn tự phục vụ được hoặc tối đa 06 người cao tuổi không tự phục vụ được.
4	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người khuyết tật tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người khuyết tật còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người khuyết tật không tự phục vụ được.
5	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 30 đối tượng.
6	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: 01 nhân viên phục vụ tối đa 30 đối tượng;
7	Nhân viên phục hồi chức năng: 01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 30 đối tượng;
8	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: 01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề cho tối đa 10 đối tượng.
9	Vị trí việc làm gián tiếp tối đa không quá 20% tổng số nhân lực cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ;
VII	Cơ sở phải thực hiện chăm sóc dài hạn đối tượng nội trú, bán trú; tổ chức trực chuyên môn 24/24 giờ của tất cả các ngày.
VIII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở.

Phụ lục 03**Yêu cầu về cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày;
cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày (gọi chung là cơ sở chăm sóc ban ngày) phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	Đối tượng phục vụ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.
II	Quy mô chăm sóc: Từ 10 đối tượng trở lên.
III	Phạm vi hoạt động: Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	Về cơ sở vật chất
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 15 m ² /đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m ² /đối tượng ở khu vực thành thị. Trong trường hợp các cơ sở đặt trụ sở trong tòa chung cư cao tầng, diện tích không gian đất tự nhiên của tòa chung cư được tính vào không gian cho cơ sở chăm sóc ban ngày.
2	Diện tích nơi sinh hoạt của đối tượng hoặc các phòng chuyên môn về chăm sóc, tư vấn, can thiệp trị liệu, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác bình quân tối thiểu 6 m ² /đối tượng. Nơi sinh hoạt phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt ban ngày của đối tượng; phòng chuyên môn về chăm sóc, tư vấn, can thiệp trị liệu, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
3	Cơ sở phải có khu sinh hoạt, khu nhà bếp, phòng ăn, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, sinh hoạt chung, chăm sóc, can thiệp trị liệu, phục hồi chức năng, tư vấn; hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh, tắm rửa; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	Tổ chức bộ máy
	Lãnh đạo cơ sở chăm sóc ban ngày, gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của cơ sở chăm sóc ban ngày được xác định theo các nhóm công việc cơ bản sau: Hành chính - Tổng hợp; Công tác xã hội và phát triển cộng đồng; Chăm sóc, tư vấn và can thiệp, trị liệu; Y tế - Phục hồi chức năng; Các phòng hoặc bộ phận có tên gọi khác (nếu có).
VI	Nhân sự
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc đối tượng: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 đối tượng còn tự phục vụ được hoặc tối đa 06 đối tượng cần hỗ trợ.
4	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 30 đối tượng.
5	Nhân viên phục hồi chức năng: 01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 30 đối tượng.
6	Nhân viên dinh dưỡng: 01 nhân viên dinh dưỡng phụ trách tối đa 30 đối tượng.
7	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: 01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề cho tối đa 10 đối tượng.
8	Vị trí việc làm gián tiếp tối đa không quá 20% tổng số nhân lực cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ.
VII	Cơ sở phải thực hiện chăm sóc đối tượng trong thời gian ban ngày; tổ chức trực chuyên môn trong thời gian làm việc.
VIII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở.

Phụ lục 04
Yêu cầu đối với trung tâm công tác xã hội

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	YÊU CẦU
	Trung tâm công tác xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	Đối tượng phục vụ: Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này
II	Quy mô quản lý trường hợp hoặc chăm sóc, nuôi dưỡng: Từ 10 đối tượng trở lên.
III	Phạm vi hoạt động: Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	Về cơ sở vật chất
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 15 m ² /đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m ² /đối tượng ở khu vực thành thị.
2	Diện tích phòng chuyên môn về công tác xã hội bình quân tối thiểu 6 m ² /đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 8 m ² /đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng.
3	Phòng chuyên môn về công tác xã hội, chăm sóc, can thiệp, tư vấn, trị liệu và truyền thông, y tế - phục hồi chức năng, tổng đài tư vấn hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ đối tượng.
4	Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, phòng ăn, phòng chuyên môn, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh, tắm rửa; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	Tổ chức bộ máy
	Lãnh đạo trung tâm, gồm có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm công tác xã hội công lập được xác định theo các nhóm công việc cơ bản sau: Hành chính - Tổng hợp; Công tác xã hội và phát triển cộng đồng; Chăm sóc và can thiệp; Truyền thông; Y tế - Phục hồi chức năng; Tổng đài tư vấn; Các phòng, khoa hoặc bộ phận có tên gọi khác do cấp có thẩm quyền quyết định.
VI	Nhân sự
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 đối tượng.
4	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe tối đa 30 đối tượng.
5	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên phụ trách dinh dưỡng.
6	Nhân viên phục hồi chức năng: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên phục hồi chức năng.
7	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 giáo viên dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề.
8	Vị trí việc làm gián tiếp tối đa không quá 20% tổng số nhân lực cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ.
VII	Cơ sở phải thực hiện cung cấp dịch vụ công tác xã hội; tổ chức trực chuyên môn phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trường hợp trung tâm công tác xã hội chỉ thực hiện nhiệm vụ tham vấn, tư vấn, truyền thông thì không phải đáp ứng yêu cầu tại số thứ tự 01 mục IV Phụ lục này và nhân sự chỉ cần đáp ứng theo số thứ tự 01, 02, 03, 08 mục VI Phụ lục này.
VIII	Giám đốc trung tâm công tác xã hội ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của trung tâm.

Phụ lục 05**Yêu cầu đối với trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	YÊU CẦU
	Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	Đối tượng phục vụ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.
II	Về quy mô phục vụ: Từ 10 đối tượng trở lên.
III	Phạm vi hoạt động: Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	Về cơ sở vật chất
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 15 m ² /đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m ² /đối tượng ở khu vực thành thị. Trường hợp các cơ sở trợ giúp xã hội khác đặt trụ sở trong tòa chung cư cao tầng, diện tích không gian đất tự nhiên của tòa chung cư được tính vào không gian cho cơ sở.
2	Diện tích phòng chuyên môn bình quân tối thiểu 6 m ² /đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 8 m ² /đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng. Phòng chuyên môn về công tác xã hội, chăm sóc, can thiệp, tư vấn và truyền thông, y tế - phục hồi chức năng, tổng đài tư vấn hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
3	Bố trí các khu, phân khu khác phù hợp chức năng, nhiệm vụ thực tế của cơ sở thuận tiện cho việc hỗ trợ, cung cấp dịch vụ chăm sóc, tư vấn trợ giúp đối tượng;
V	Về tổ chức bộ máy
1	Cơ cấu tổ chức của cơ sở được xác định theo các nhóm công việc cơ bản, gồm: hành chính - quản trị, chuyên môn (quản lý đối tượng), y tế - phục hồi chức năng, chăm sóc và các phòng, khoa hoặc bộ phận có tên gọi khác do cấp có thẩm quyền quyết định.
2	Cơ quan, tổ chức căn cứ vào nhiệm vụ, quy mô, số lượng đối tượng phục vụ và số lượng người làm việc để quy định cơ cấu tổ chức thành các phòng, khoa hoặc bộ phận cho phù hợp với thực tiễn tại cơ sở.
VI	Nhân sự
1	Cơ sở phải có ít nhất: 01 nhân viên công tác xã hội, 01 nhân viên tư vấn, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên chăm sóc.
2	Trưởng các bộ phận hoặc phòng, khoa hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn về y tế tại cơ sở phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về lĩnh vực khám, chữa bệnh.
VII	Cơ sở phải thực hiện cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc, tư vấn; tổ chức trực chuyên môn phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trường hợp trung tâm chỉ thực hiện nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ như tư vấn, huấn luyện kỹ năng sống độc lập, hỗ trợ cá nhân, kết nối việc làm, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng thì không phải đáp ứng yêu cầu về diện tích đất tự nhiên và diện tích phòng ở được quy định tại số thứ tự 01 mục IV Phụ lục này.
VIII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở.

Phụ lục 06**Yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	Đối tượng phục vụ: Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.
II	Về quy mô chăm sóc: Dưới 10 đối tượng.
III	Phạm vi hoạt động: Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	Về cơ sở vật chất
1	Đáp ứng các điều kiện cơ bản về nhà ở, nhà bếp, điện, nước phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho đối tượng
2	Đáp ứng các yêu cầu cơ bản về nhà ở, nhà bếp, điện, nước phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho đối tượng. Diện tích phòng ở của đối tượng hoặc các phòng chuyên môn bình quân tối thiểu 6 m ² /đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 8 m ² /đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng. Phòng hoặc bộ phận chuyên môn về công tác xã hội, chăm sóc, can thiệp, tư vấn và truyền thông, y tế, hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
V	Về tổ chức bộ máy
	Cơ quan, tổ chức căn cứ vào nhiệm vụ, quy mô, số lượng đối tượng phục vụ và số lượng người làm việc để quy định cơ cấu tổ chức thành các phòng, khoa hoặc bộ phận cho phù hợp với thực tiễn tại cơ sở.
VI	Nhân sự
1	Người đứng đầu, nhân viên của cơ sở phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội; không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;
2	Cơ sở phải có nhân viên công tác xã hội, nhân viên chăm sóc.

Phụ lục 07**Thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội**

(Kèm theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

TÊN CƠ SỞ TGXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-.....

....., ngày tháng năm ...

Về việc thông báo hoạt động
của cơ sở TGXH**THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

1. Tên cơ sở, địa chỉ trụ sở, số điện thoại

.....

2. Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, hộ chiếu/số định danh cá nhân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các sáng lập viên hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở

.....

3. Loại hình cơ sở

.....

4. Địa bàn hoạt động

.....

5. Đối tượng phục vụ

.....

6. Các nhiệm vụ của cơ sở

.....

7. Vốn điều lệ; vốn của doanh nghiệp thành lập (vốn đầu tư)

.....

8. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh (cơ sở được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) hoặc Số Quyết định thành lập/Số Giấy phép hoạt động (cơ sở được thành lập theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội)

.....

9. kê khai thông tin giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở (3)

.....

10. Thông tin đăng ký thuế

11. Bảng thống kê danh sách nhân sự làm việc tại cơ sở trợ giúp xã hội (Họ và tên, ngày/tháng/năm sinh, giới tính, chức danh, vị trí việc làm, chứng chỉ hành nghề (nếu có))

12. Kê khai việc đáp ứng các yêu cầu chung và các yêu cầu khác đối với loại hình cơ sở theo quy định của Nghị định này

(1) Đề nghị (2) xem xét thông báo hoạt động của cơ sở với nội dung sau:

1. Tên cơ sở:

2. Người đứng đầu cơ sở:

3. Địa chỉ, số điện thoại, số fax của cơ sở:

4. Địa bàn hoạt động:

5. Nhiệm vụ của cơ sở:

6. Đối tượng phục vụ:

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động (ngày bắt đầu hoạt động .././.):

Đề nghị (2) xem xét, giải quyết./.

Tôi/Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực những nội dung nêu trên và tuân thủ các yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Tên cơ sở trợ giúp xã hội; (2) Cơ quan có thẩm quyền công bố; (3) Trường hợp chưa khai thác được cơ sở dữ liệu về đất đai thì người đứng đầu cơ sở gửi cho cơ quan có thẩm quyền quản lý Bản sao có chứng thực đối với giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở.

Phụ lục 08**Thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội**

(Kèm theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ....
**CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CÔNG BỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO**Hoạt động của..... (1)**

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;

Xét thông báo hoạt động của (1)

Theo đề nghị của

(2) ... thông báo hoạt động của (1) như sau:

1. Tên cơ sở:
2. Người đứng đầu cơ sở:
3. Địa chỉ, số điện thoại, số fax của cơ sở:
4. Địa bàn hoạt động:
5. Nhiệm vụ của cơ sở:
6. Đối tượng phục vụ:
7. Một số vấn đề khác:

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 09

Quyết định tạm dừng/chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội
(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ....
CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CÔNG BỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Tạm dừng/chấm dứt Hoạt động của..... (1)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ;

Theo đề nghị của (2)

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tạm dừng/chấm dứt hoạt động của(cơ sở trợ giúp xã hội)

- Địa chỉ, trụ sở chính của cơ sở:.....

- Điện thoại:.....

- Địa bàn hoạt động:

- Tạm dừng hoạt động từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... (3)

- Lý do tạm dừng/chấm dứt hoạt động của cơ sở:.....

Điều 2. Cơ sở có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định; bảo đảm quyền lợi của đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ thời điểm được ban hành.

Điều 4. Cơ quan, đơn vị, người đại diện theo pháp luật của cơ sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
- Cơ sở trợ giúp xã hội ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Tên cơ sở trợ giúp xã hội; (2) Người có thẩm quyền đề nghị; (3) Áp dụng trong trường hợp tạm dừng hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội.